

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Vận hành và Xây lắp PTSC

Ngày	15,200 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.7%	-2.6%	-7.2%

DT thuần	Q4/25
793	tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.0 -2.3%	
YoY: ▲ 84.0 11.9%	

LN thuần	Q4/25
53.1	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.4 78.7%	
YoY: ▲ 29.4 124%	

LN sau thuế	Q4/25
42.9	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.6 84.1%	
YoY: ▲ 24.6 134%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
5.2%	
YoY: +/-▲ 0.0%	

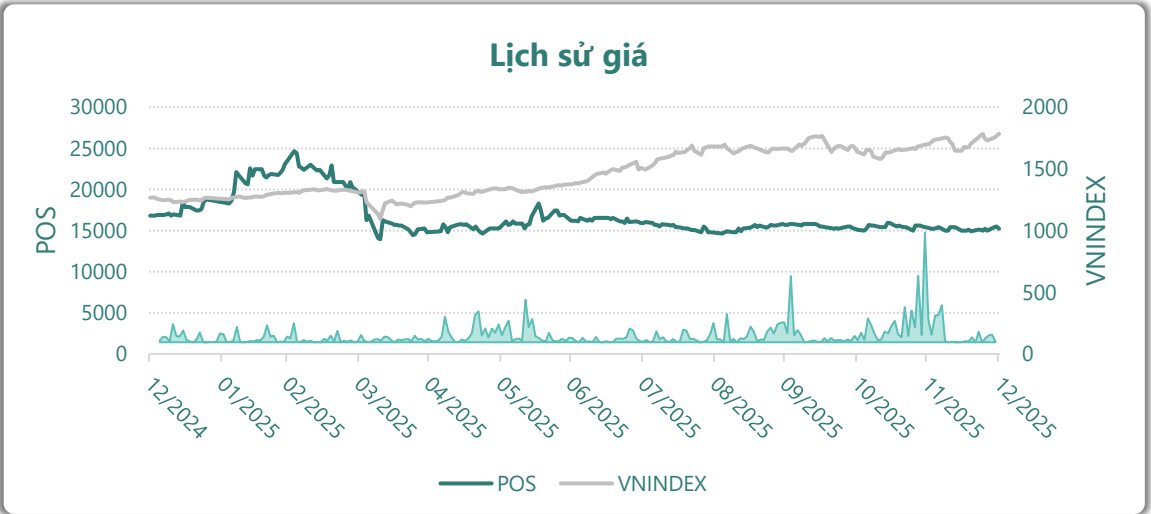
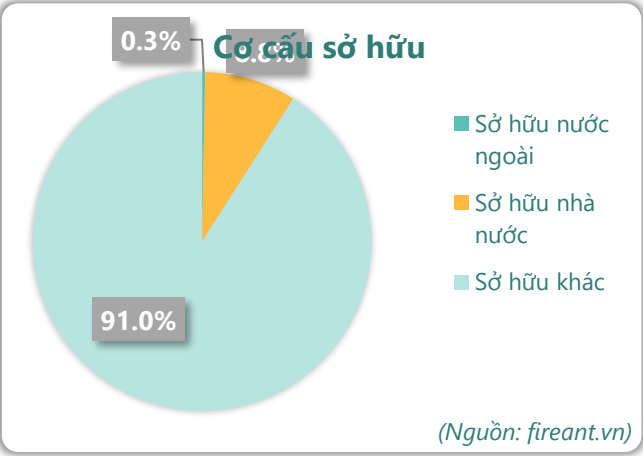
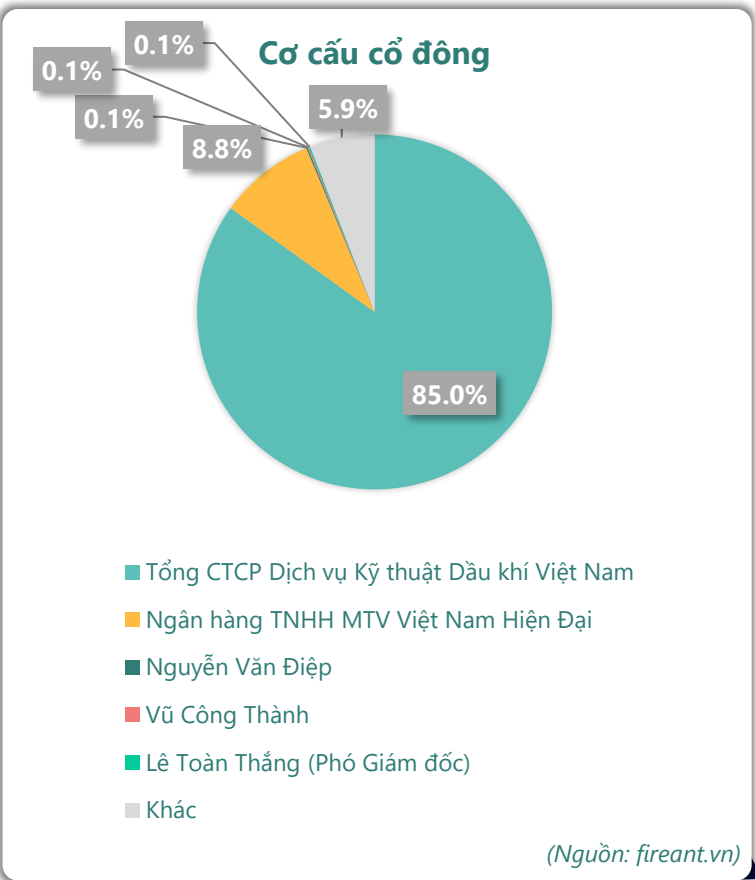
ROE	2025
12.3%	
YoY: +/-▲ 1.2%	

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,933 - 24,643
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	699
Số lượng CPLH (CP)	45,999,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,415
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.21
EPS	2,250
P/E	6.8

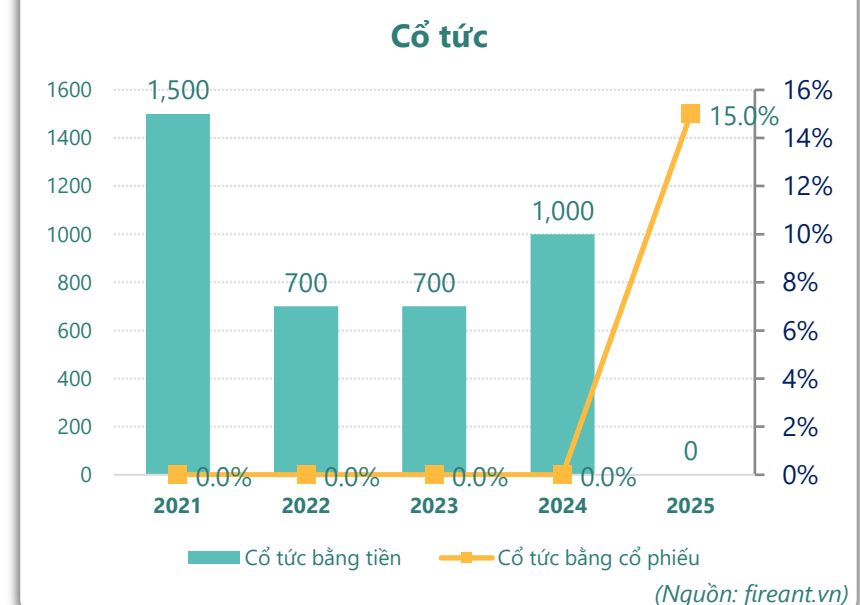
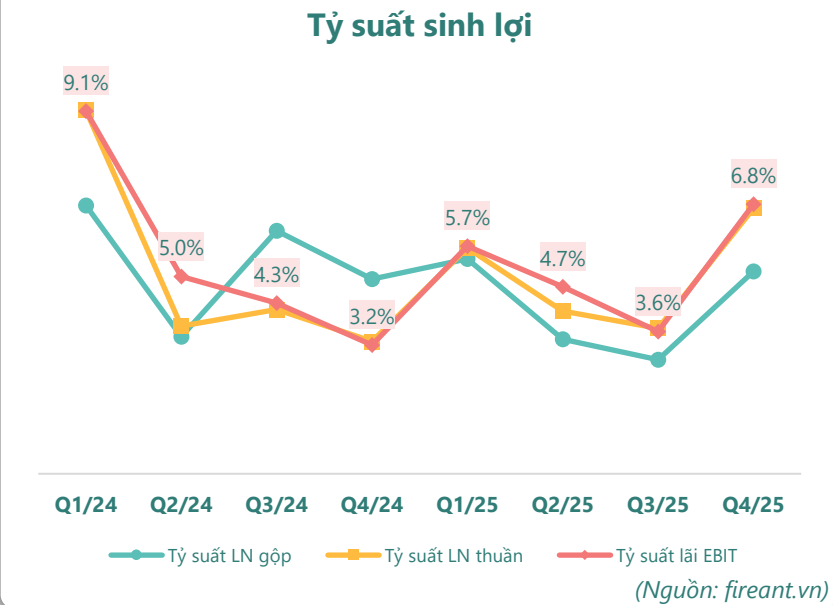
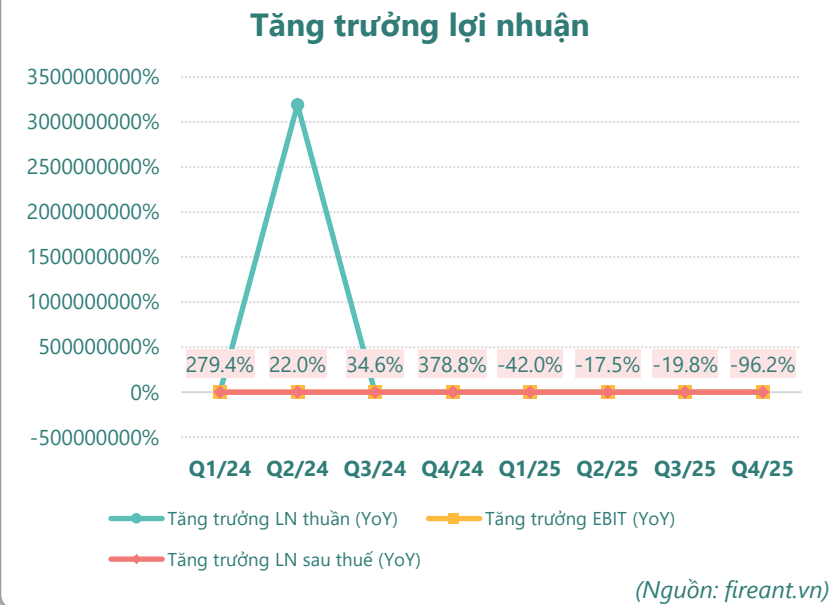
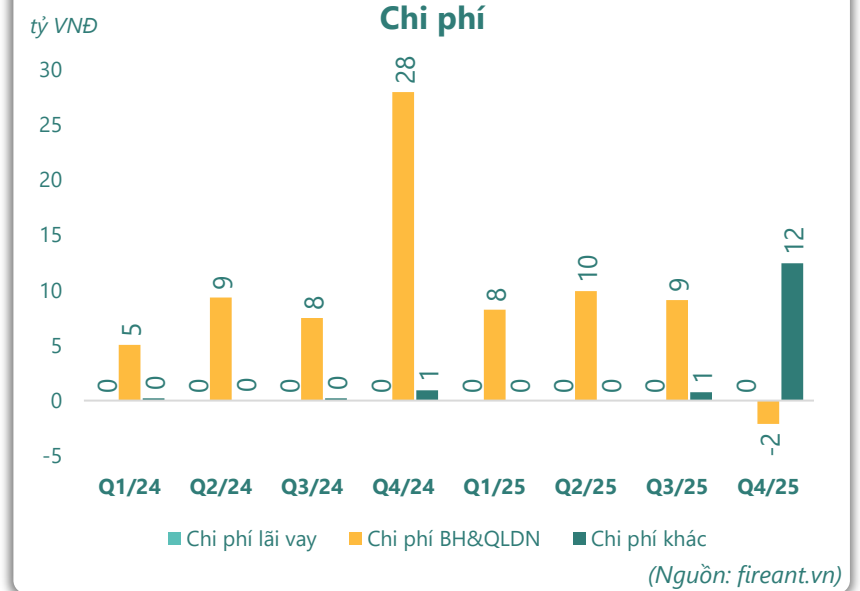
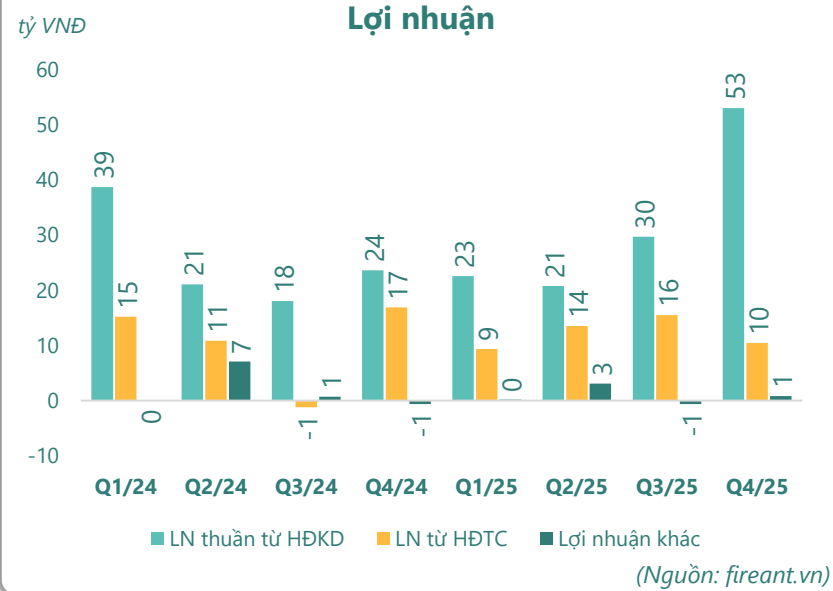
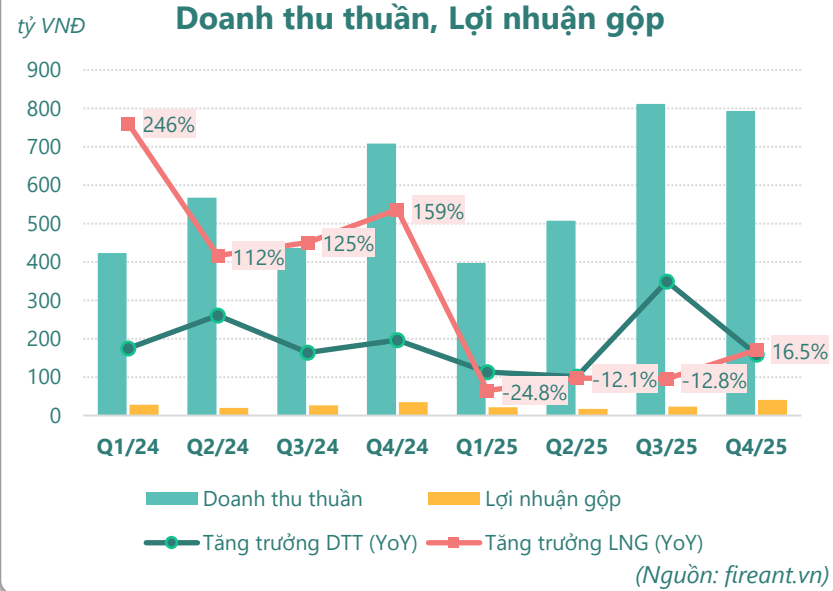
DT thuần	2025
2,510	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 400 18.9%	

LN thuần	2025
126	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0 24.3%	

LN sau thuế	2025
103	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.4 19.4%	



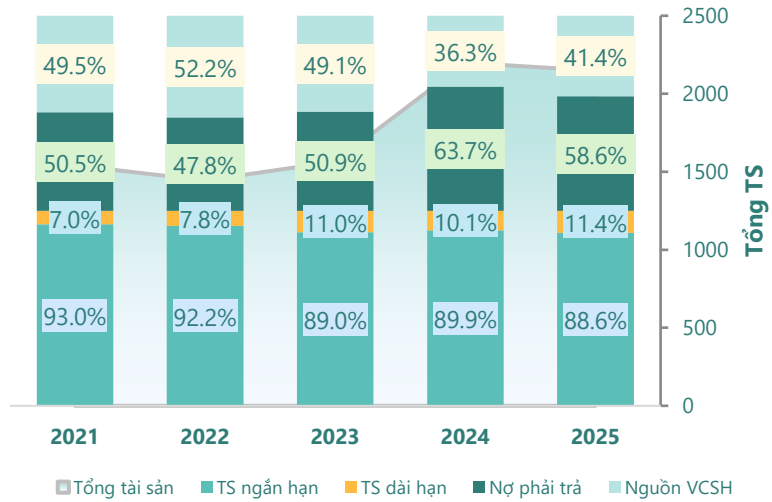
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

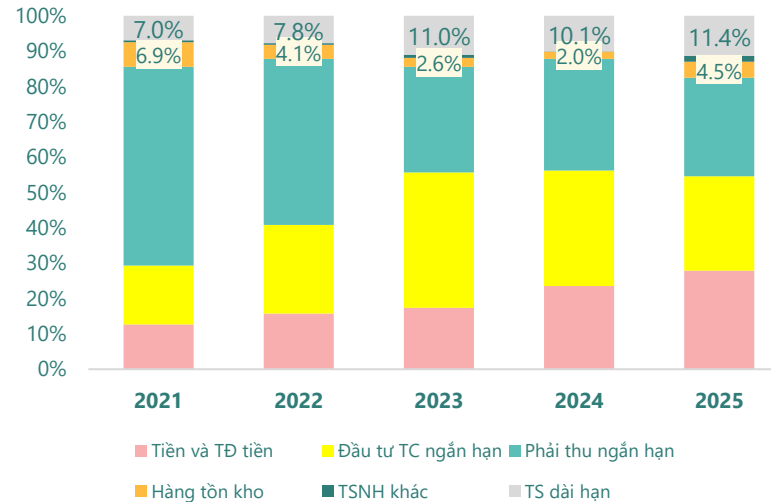
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

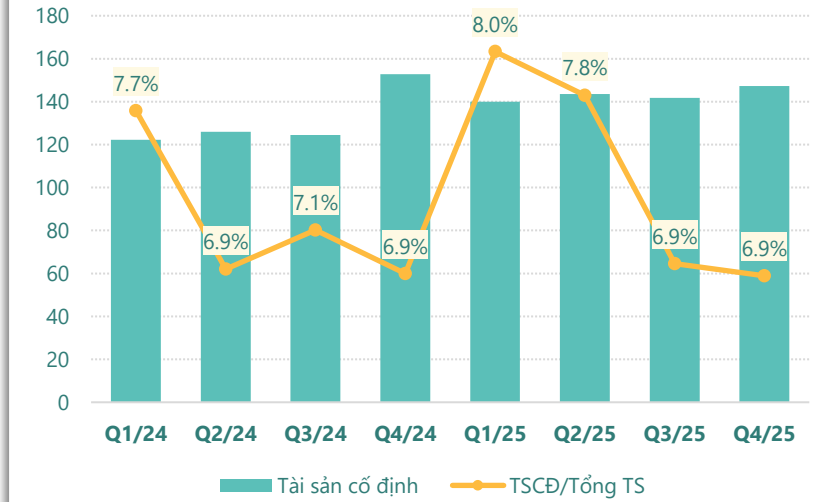
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

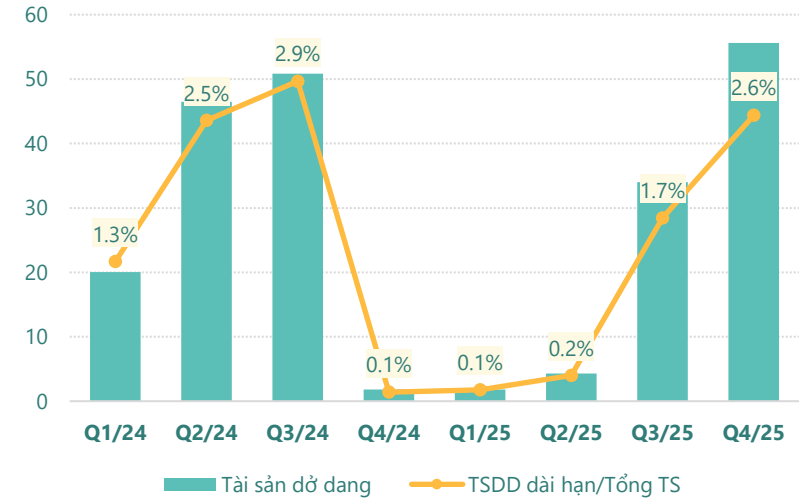
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

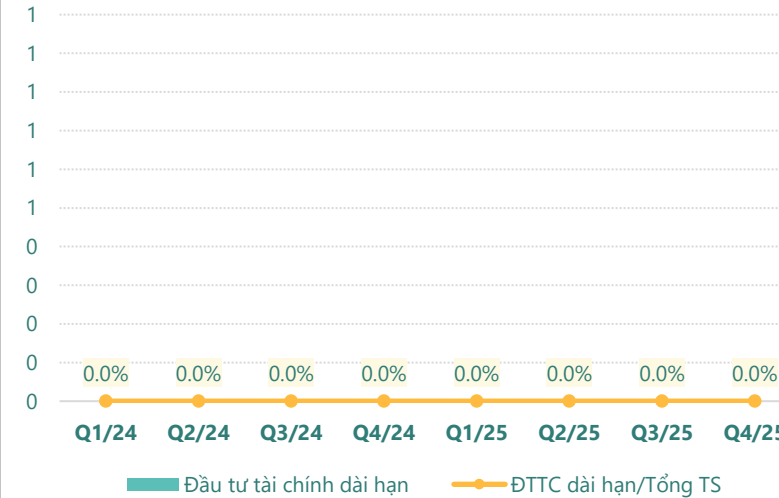
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

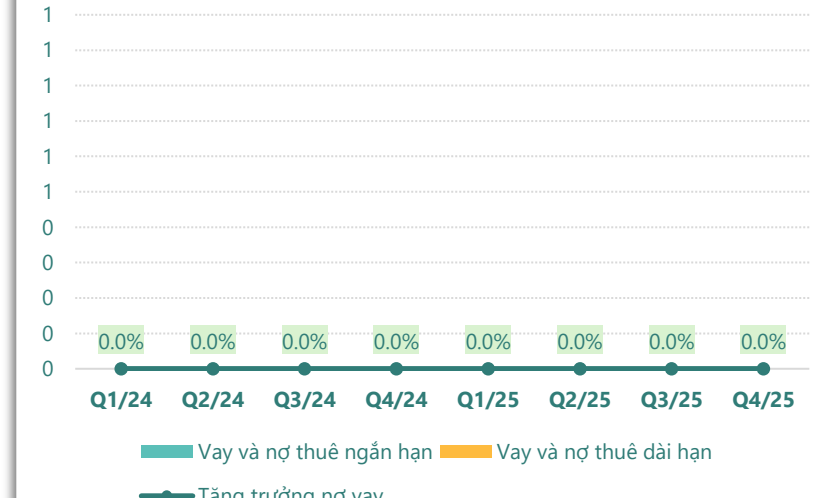
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

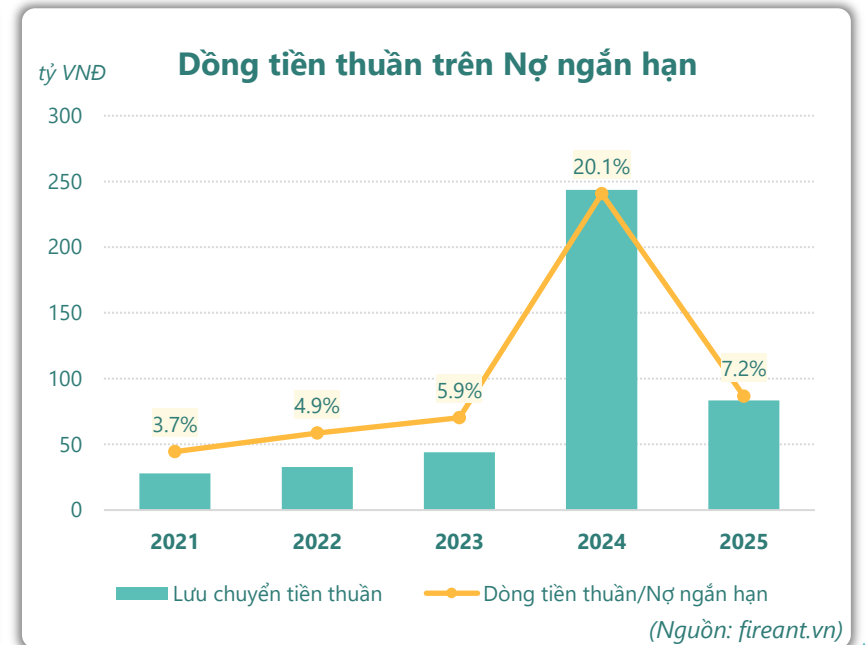
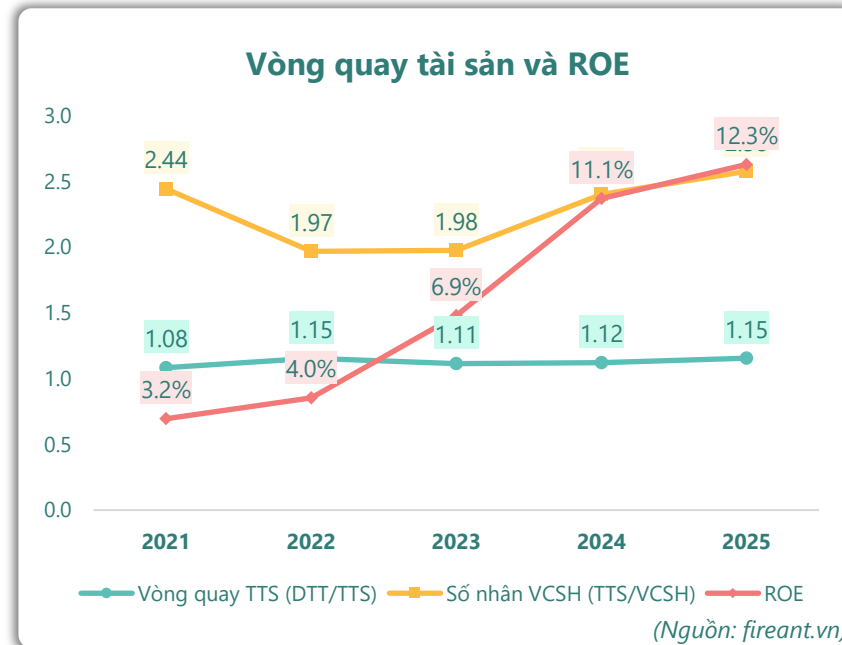
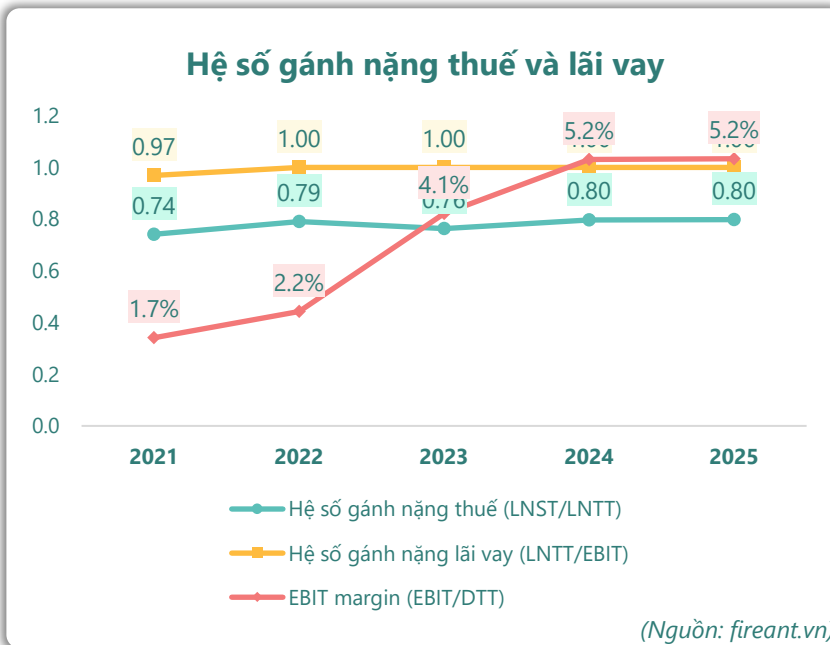
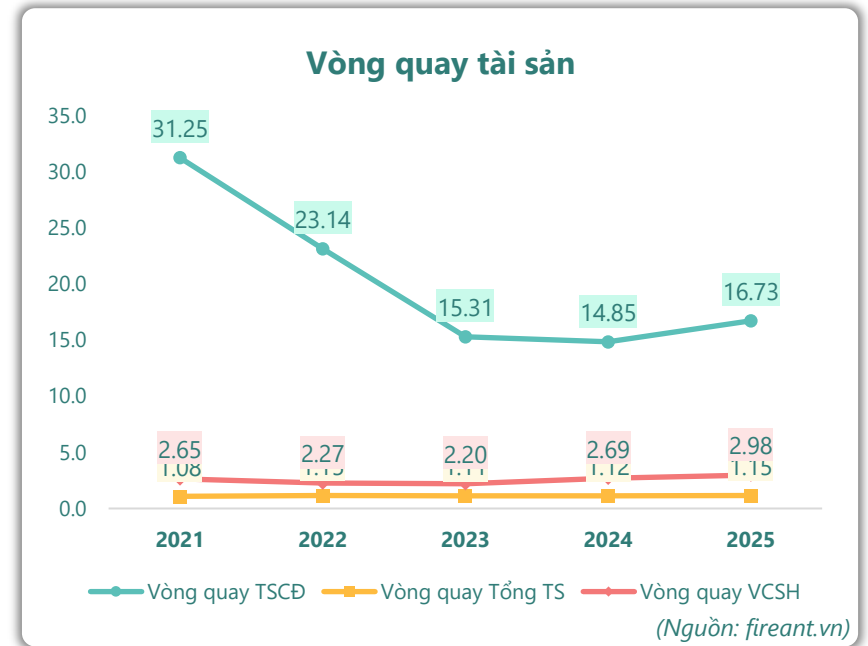
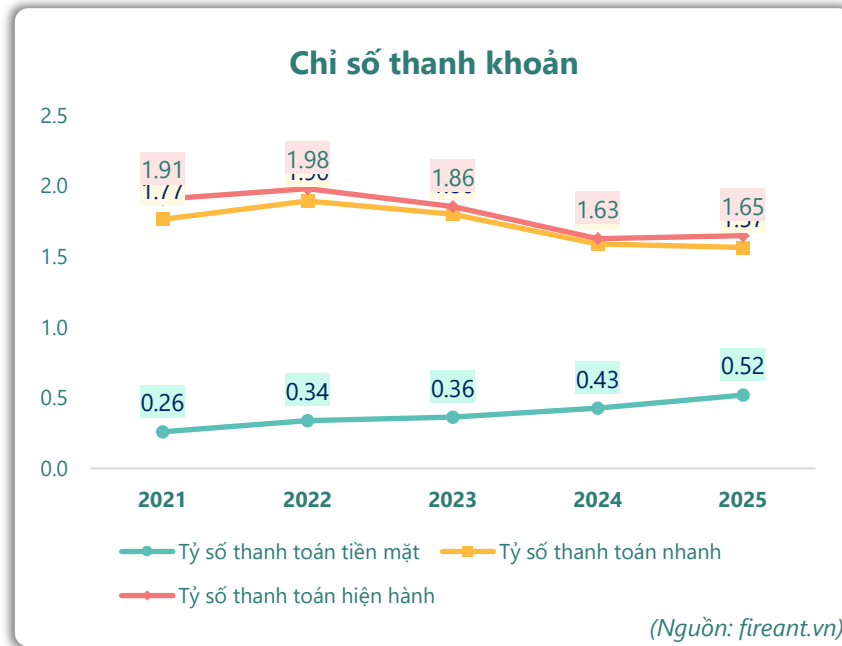
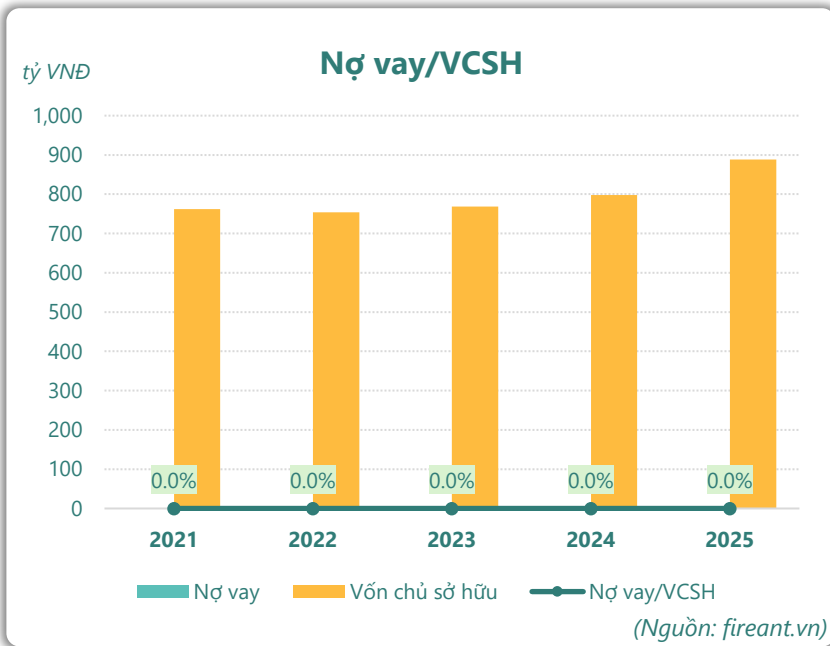
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	793	709	11.9%	2,510	2,110	18.9%
Giá vốn hàng bán	753	674	11.7%	2,407	2,012	19.7%
Lợi nhuận gộp	40.5	34.7	16.7%	103	98.2	4.4%
Doanh thu HĐTC	15.7	16.3	-3.6%	56.0	49.9	12.1%
Chi phí TC	5.23	-0.56	1034%	7.07	8.16	-13.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.86	0.43	99.0%	3.46	1.27	172%
Chi phí QLDN	-2.97	27.6	-111%	21.7	37.2	-41.5%
LN thuần từ HĐKD	53.1	23.7	124%	126	102	24.3%
Lợi nhuận khác	0.82	-0.65	225%	3.43	7.08	-51.6%
LN trước thuế	53.9	23.0	134%	130	109	19.3%
Lợi nhuận sau thuế	42.9	18.3	134%	103	86.6	19.4%
LNST của CĐ cty mẹ	42.9	18.3	134%	103	86.6	19.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	120	197	-131	-167	221	64.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-248	-76.4	170	124	-9.98	-188
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-39.7	-0.07	-0.13	0	0
Tiền đầu kỳ	565	435	517	557	517	729
Lưu chuyển tiền thuần	-128	80.5	38.8	-43.0	211	-124
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.88	2.11	0.73	2.96	1.10	-5.98
Tiền cuối kỳ	435	517	557	517	729	600

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,148	2,199	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	1,904	1,977	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	600	517	15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	574	719	-20.2%
Phải thu ngắn hạn	598	695	-13.9%
Hàng tồn kho	96.7	44.5	117%
Tài sản ngắn hạn khác	36.0	1.34	2580%
Tài sản dài hạn	244	221	10.1%
Phải thu dài hạn	0.02	2.01	-99.0%
Tài sản cố định	147	153	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.6	1.81	2968%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	41.0	64.8	-36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,259	1,401	-10.1%
Nợ ngắn hạn	1,154	1,215	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	556	555	0.2%
Nợ dài hạn	105	186	-43.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	798	11.3%
Vốn chủ sở hữu	889	798	11.3%
Vốn điều lệ	460	400	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

